

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính QG;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b). M 295

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng



CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

*Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2008/QĐ-TTg
ngày 2 tháng 1 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)*

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Chương trình điều tra thống kê quốc gia là danh mục các cuộc Tổng điều tra và điều tra thống kê được xây dựng theo quy định tại Điều 11 Luật Thống kê, bao gồm tên các cuộc điều tra, mục đích điều tra, đối tượng điều tra, đơn vị điều tra, phương pháp điều tra, nội dung điều tra, thời kỳ, thời điểm điều tra, cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tiến hành điều tra.

2. Các cuộc điều tra thống kê thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia có nội dung đáp ứng yêu cầu thông tin thể hiện trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 305/2005/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ và thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ.

3. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Chương trình điều tra thống kê quốc gia cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

4. Chương trình điều tra thống kê quốc gia là căn cứ để các Bộ, ngành chủ động xây dựng kế hoạch các cuộc điều tra, xây dựng phương án điều tra, kế hoạch thực hiện, dự toán kinh phí và quyết định các cuộc điều tra thống kê, tạo sự ổn định cho hoạt động thống kê.

5. Cơ quan chủ trì là cơ quan chịu trách nhiệm trong việc xây dựng phương án điều tra, tiến hành điều tra và công bố số liệu điều tra.

6. Kinh phí để thực hiện các cuộc điều tra thống kê thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia do ngân sách nhà nước cấp và được bố trí trong dự toán ngân sách của các cơ quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn kinh phí khác do tổ chức quốc tế tài trợ theo các chương trình dự án) bảo đảm theo quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra.

7. Kết quả của các cuộc điều tra thống kê phải được công bố công khai, theo đúng các quy định của Luật Thống kê và các quyết định hiện hành của Nhà nước về điều tra thống kê.

8. Trong những năm có tiến hành các cuộc Tổng điều tra hoặc điều tra toàn bộ, căn cứ vào Chương trình điều tra thống kê quốc gia, các cơ quan chủ trì có thể thực hiện việc lồng ghép một số cuộc điều tra nhằm tránh sự trùng lặp thông tin và bảo đảm mục tiêu tiết kiệm kinh phí điều tra.

B. DANH MỤC CÁC CUỘC ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I. Các cuộc Tổng điều tra									
01	Tổng điều tra dân số và nhà ở	Thu thập số liệu về dân số, lao động toàn xã hội và nhà ở phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích qui mô, cơ cấu phân bố và tốc độ phát triển dân số, nguồn lao động và nhà ở của dân cư.	Tất cả công dân Việt Nam cư trú thường xuyên trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam hoặc đang tạm trú ở nước ngoài.	Hộ	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	1. Điều tra toàn bộ: - Dân số chia theo giới tính, tuổi, dân tộc, tôn giáo, tình trạng đi học, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật ... - Số lượng và chất lượng nhà ở. 2. Điều tra chọn mẫu: Ngoài các chỉ tiêu điều tra toàn bộ, tiến hành điều tra các nhóm chỉ tiêu sau: - Dân số chia theo ngành nghề đào tạo, di cư, tiếng nói thường dùng trong gia đình, tình trạng tàn tật, tình trạng hôn nhân, lao động và việc làm, tình hình sinh chết của dân số. - Tình trạng sở hữu và các điều kiện sinh hoạt của hộ có nhà ở.	Chu kỳ 10 năm; ngày 01 tháng 04 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Xây dựng; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Ngoại giao; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
02	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản.	Thu thập thông tin cơ bản về nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phục vụ nghiên cứu đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung của các chương trình, mục tiêu quốc gia trong nông thôn, nông nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, thủy sản và nông thôn; lập dàn mẫu cho các cuộc điều tra chọn mẫu; so sánh quốc tế.	Các hộ ở nông thôn; các hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản ở thành thị; các xã; các trang trại; các hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản; các cơ sở doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản hạch toán kinh tế độc lập; các cơ sở nông, lâm nghiệp và thủy sản trực thuộc các doanh nghiệp phi nông, lâm nghiệp và thủy sản.	Hộ; trang trại; hợp tác xã; các xã; doanh nghiệp nông lâm nghiệp và thủy sản; cơ sở nông, lâm nghiệp và thủy sản trực thuộc doanh nghiệp phi nông, lâm nghiệp và thủy sản.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	- Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra. - Nhóm thông tin về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: lao động, tình trạng sử dụng đất, đồ dùng sinh hoạt, tài sản, vốn kinh doanh,... - Nhóm thông tin về nông thôn: điện, đường, trường học, trạm xá, nhà văn hoá, thư viện, nước sạch, vệ sinh môi trường, chợ, ngân hàng,...	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 07 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính.
03	Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp.	Thu thập thông tin cơ bản về số cơ sở kinh tế, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở kinh tế; kết quả hoạt động làm cơ sở để rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý,	Tất cả các doanh nghiệp, các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp; các cơ sở sản xuất kinh doanh	Cơ sở kinh tế với định nghĩa cơ sở kinh tế là nơi trực tiếp diễn ra hoạt động kinh tế, có	Điều tra toàn bộ (trừ các hợp tác xã nông nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh cá thể	- Nhóm thông tin nhận dạng về đơn vị cơ sở; - Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người lao động; - Nhóm thông tin về kết quả hoạt động và ứng dụng công nghệ thông tin;	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 07 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 2 và 7)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		kế hoạch, qui hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp mẫu tổng thể phục vụ các cuộc điều tra chọn mẫu của ngành Thống kê.	cá thể; các cơ quan nhà nước, các cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các hội nghề nghiệp, các cơ sở tôn giáo tín ngưỡng và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc của các cơ quan, tổ chức trên.	chủ thể quản lý, có địa điểm xác định và có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ.	thuộc ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đã điều tra trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp).	- Một số thông tin bổ sung về các khu vực kinh tế đặc thù như: khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề, làng nghề truyền thống.			
II. Các cuộc điều tra thống kê									
01: Điều tra về đất đai, dân số, lao động, việc làm									
04	Điều tra kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.	Thu thập thông tin về tình hình sử dụng và quản lý đất nhằm đánh giá hiện trạng sử dụng đất và kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; làm căn cứ để lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; làm tài liệu	Người sử dụng đất, người quản lý đất.	Hộ, cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư đang quản lý và sử dụng đất.	Điều tra toàn bộ	- Thu thập số liệu về diện tích đất đai theo mục đích và đối tượng sử dụng - Số liệu về đối tượng sử dụng đất trên địa bàn đơn vị hành chính. - Thu thập thông tin về tình hình hiện trạng sử dụng đất,	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 01 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5)	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		điều tra cơ bản về tài nguyên đất phục vụ việc xây dựng và đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước; xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất để nắm được việc sử dụng đất vào các mục đích tại thời điểm kiểm kê đất đai.				nguyên nhân biến động đất đai giữa các kỳ kiểm kê đất đai.			
05	Điều tra dân số giữa kỳ	Thu thập thông tin về dân số và nguồn lao động làm cơ sở để lập kế hoạch và xây dựng chính sách dân số, đánh giá các chương trình dân số quốc gia.	Nhân khẩu đang thường trú tại hộ.	Hộ	Điều tra chọn mẫu.	Thu thập thông tin về qui mô, cơ cấu, phân bố và tốc độ phát triển dân số và nguồn lao động, mức độ sinh chết và kế hoạch hoá gia đình.	Chu kỳ 10 năm; ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Y tế; Bộ Tài chính.
06	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình.	Thu thập các thông tin cơ bản về dân số làm cơ sở hoạch định chính sách, nghiên cứu biến động dân số và tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân số.	Nhân khẩu đang thường trú tại hộ và số người chết của hộ.	Hộ	Điều tra chọn mẫu.	- Thông tin chung về dân số: họ tên nhân khẩu thực tế thường trú, giới tính, tình hình di cư, tình hình đi học, tình trạng hôn nhân... - Thông tin về người chết của hộ: thông tin về số người chết, các nguyên nhân chết, tình hình tử vong mẹ.	Chu kỳ hàng năm; ngày 01 tháng 4 (trừ năm tiến hành điều tra dân số giữa kỳ).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Y tế; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
						- Thông tin liên quan đến sinh đẻ, kế hoạch hoá gia đình và sức khoẻ sinh sản của phụ nữ 15-49 tuổi.			
07	Điều tra lao động và việc làm.	Thu thập thông tin phản ánh thực trạng nguồn lao động và việc làm nhằm phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả và phát triển hợp lý nguồn lực thị trường lao động; phục vụ tính toán các chỉ tiêu thống kê lao động, việc làm được qui định trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.	Nhân khẩu đang thường trú tại hộ.	Hộ	Điều tra chọn mẫu.	- Đối với thành viên hộ gia đình: họ tên, quan hệ với chủ hộ, giới tính, tuổi ... - Thông tin về lao động và việc làm của những người đủ 15 tuổi trở lên: + Tình hình đi học và trình độ học vấn phổ thông, trình độ chuyên môn kỹ thuật, tình trạng hôn nhân. + Hoạt động kinh tế trong 7 ngày trước thời điểm điều tra. + Hoạt động kinh tế trong 12 tháng trước thời điểm điều tra.	Chu kỳ hàng năm; ngày 01 tháng 7 (trừ năm tiến hành điều tra dân số giữa kỳ).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Bộ Tài chính.
02: Điều tra về đầu tư, tài khoản quốc gia, tài chính tiền tệ									
08	Điều tra vốn đầu tư.	Thu thập thông tin về vốn đầu tư để đánh giá tình hình thực hiện vốn đầu tư, hiệu quả vốn đầu tư và tác động của vốn	- Dự án công trình, chương trình mục tiêu sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	Ban quản lý dự án/công trình; chủ đầu tư; sở	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm chỉ tiêu nhận dạng đơn vị. - Tình hình thực hiện vốn đầu tư chia theo các nguồn vốn	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 10 (tiến hành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		đầu tư vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của cả nước và tỉnh/thành phố.	- Cơ quan dự toán ngân sách đầu tư từ nguồn kinh phí thường xuyên hàng năm do ngân sách nhà nước cấp. - Loại hình doanh nghiệp đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn tự có của doanh nghiệp - Hộ gia đình đầu tư cho sản xuất kinh doanh và cho nhà ở. - Đối tượng đầu tư khác: cộng đồng dân cư đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình văn hoá...	tài chính; doanh nghiệp đang trong quá trình đầu tư xây dựng; UBND xã/phường; hộ gia đình đầu tư cho sản xuất kinh doanh và đầu tư cho nhà ở.		- Tình hình thực hiện vốn đầu tư chia theo các khoản mục đầu tư - Tình hình thực hiện vốn đầu tư chia theo ngành kinh tế.	vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	(Tổng cục Thống kê).	
09	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên	Lập bảng cân đối liên ngành (I/O) làm cơ sở đánh giá kết quả sản xuất chi tiết theo ngành sản phẩm và đánh giá sự thay đổi cơ cấu chi phí	Các cơ sở kinh tế; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp;	Bộ ngành; doanh nghiệp; hợp tác xã; cơ quan hành chính;	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Đối với bộ ngành: - Thông tin về thu chi ngân sách, thuế sản xuất, trợ cấp sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hoá dịch vụ...;	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 8 (tiến hành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	ngành và tính hệ số chi phí trung gian.	sản xuất, tích lũy, tiêu dùng, xuất nhập khẩu và các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp khác; làm cơ sở tính toán các hệ số cơ bản phục vụ biên soạn hệ thống tài khoản quốc gia.	các hộ gia đình.	đơn vị sự nghiệp; hiệp hội; tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng...; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; hộ sản xuất nông lâm thủy sản; hộ tiêu dùng sản phẩm vật chất và dịch vụ.		2. Đối với tổng công ty 90, 91: - Thông tin về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, kết quả sản xuất kinh doanh, định mức kỹ thuật của sản phẩm đặc thù. 3. Đối với các đơn vị điều tra mẫu: - Thông tin về nhận dạng đơn vị điều tra: tên đơn vị cơ sở, địa chỉ, loại hình, ngành nghề hoạt động... - Thông tin về sản xuất kinh doanh: lao động, doanh thu, chi phí sản xuất, thu nhập, thuế, thành phẩm tồn kho và sản phẩm dở dang... 4. Đối với hộ gia đình: - Thông tin về chi tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình.	vào các năm có số tận cùng là 3 và 8)	(Tổng cục Thống kê)	
10	Điều tra khu vực kinh tế phi chính thức.	Thu thập thông tin của khu vực kinh tế phi chính thức làm cơ sở để đo lường mức độ phi chính thức của nền kinh tế Việt Nam, ước lượng chính xác hơn về tổng	Thành viên hộ gia đình có tham gia lao động thuộc khu vực kinh tế phi chính thức.	Hộ	Điều tra chọn mẫu	- Đặc điểm của cơ sở kinh tế phi chính thức. - Đặc điểm nhân khẩu học của lao động và đặc điểm công việc.	Chu kỳ 2 năm; ngày 01 tháng 07 (tiến hành vào các năm có số	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		sản phẩm trong nước (GDP) và những chỉ tiêu tổng hợp trong hệ thống tài khoản quốc gia, đánh giá vai trò và mối quan hệ giữa khu vực kinh tế phi chính thức với các khu vực khác trong nền kinh tế của Việt Nam.				- Tình hình sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. - Khách hàng, nhà cung cấp và đối thủ cạnh tranh - Trang thiết bị, đầu tư và tài chính. - Khó khăn và triển vọng của hoạt động sản xuất kinh doanh. - ...	tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).		
11	Điều tra dịch vụ Chính phủ.	Thu thập thông tin làm cơ sở để lập và nâng cao chất lượng cán cân thanh toán.	Đại sứ quán, lãnh sự quán nước ngoài tại Việt Nam	Đại sứ quán, lãnh sự quán nước ngoài tại Việt Nam.	Điều tra toàn bộ	- Các khoản chi tiêu cho hàng hoá, dịch vụ của các đại sứ quán, lãnh sự quán như mua đồ dùng văn phòng, đồ dùng gia đình, thuê nhà, các phương tiện có giá trị. - Các khoản chi tiêu của các cá nhân làm việc tại đại sứ quán, lãnh sự quán và thân nhân đi theo họ. - Phí quản lý các khoản viện trợ. - Các giao dịch liên quan đến thực hiện các thoả thuận chung về quân sự và lực lượng vũ trang.	Chu kỳ 2 năm; ngày 01 tháng 01 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
03: Điều tra về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản									
12	Điều tra kiểm kê rừng.	Thu thập thông tin cơ bản về rừng để nắm tổng diện tích, trữ lượng, cơ cấu rừng các loại, phục vụ qui hoạch, kế hoạch, quản lý, bảo vệ rừng, trồng và chăm sóc rừng trồng.	Các loại rừng	Tổ chức, cá nhân có quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng.	Điều tra toàn bộ	- Tổng diện tích rừng - Cơ cấu diện tích rừng - Hiện trạng quản lý sử dụng rừng - Trữ lượng rừng -	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 01 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài chính.
13	Điều tra trang trại.	Thu thập thông tin cơ bản tình hình phát triển trang trại nông, lâm nghiệp và thủy sản.	Trang trại nông, lâm nghiệp và thủy sản.	Trang trại nông, lâm nghiệp và thủy sản.	Điều tra toàn bộ	Thông tin về lao động, tình trạng sử dụng đất, chăn nuôi, vốn, thu nhập và giá trị hàng hoá, dịch vụ.	Chu kỳ 2 năm; ngày 01 tháng 07 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính.
14	Điều tra lâm nghiệp ngoài nhà nước.	Đánh giá kết quả sản xuất lâm nghiệp, hiệu quả đầu tư cho công tác trồng cây gây rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ môi trường, phục vụ tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp của nhà nước.	Các thành phần kinh tế ngoài nhà nước có hoạt động sản xuất lâm nghiệp: trồng cây lâm nghiệp phân tán, khai thác gỗ và các lâm sản khác.	Hợp tác xã (HTX), tổ trồng cây, trường học, hộ gia đình...	Điều tra chọn mẫu	- Số cây trồng phân tán hiện có. - Số lượng cây lâm nghiệp trồng phân tán trong năm. - Thu hoạch sản phẩm từ rừng.	Chu kỳ 2 năm; ngày 01 tháng 09 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
15	Điều tra chăn nuôi.	Thu thập thông tin về tình hình chăn nuôi làm cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động chăn nuôi.	Các loại gia súc, gia cầm, chăn nuôi khác và các sản phẩm chăn nuôi.	Thôn (ấp, bản), doanh nghiệp, HTX, tổ chức, đoàn thể, trang trại và hộ có chăn nuôi.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	- Số lượng, sản lượng sản phẩm chăn nuôi trong kỳ điều tra.	Chu kỳ hàng năm; ngày 01/04 và 01/10.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính.
16	Điều tra thủy sản.	Thu thập thông tin về thủy sản làm cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản.	Các loại sản phẩm thủy sản thu hoạch từ nuôi trồng và khai thác.	- Xã có hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản. - Doanh nghiệp, HTX, tổ chức và hộ thực tế có nuôi trồng và khai thác thủy sản.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin về tình hình cơ bản (diện tích nuôi trồng thủy sản, số lượng và công suất tàu thuyền) và cơ sở vật chất khác. - Nhóm thông tin về sản lượng, sản phẩm thủy sản. - Kết quả sản xuất giống thủy sản.	Chu kỳ hàng năm; ngày 01/07 và 31/12.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
17	Điều tra diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp.	Thu thập thông tin về diện tích gieo trồng cây nông nghiệp làm cơ sở để đánh giá kết quả của hoạt động trồng trọt theo từng vụ và cả năm.	Diện tích gieo trồng thực tế các loại cây nông nghiệp hàng năm và cây lâu năm.	Thôn (ấp, bản); doanh nghiệp.	Điều tra toàn bộ.	Diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp hàng năm và lâu năm hiện có đến thời điểm điều tra.	Sau khi kết thúc gieo trồng mỗi vụ sản xuất.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính.
18	Điều tra năng suất sản lượng lúa.	Thu thập thông tin tình hình trồng lúa làm cơ sở để đánh giá tổng sản lượng lúa thu hoạch theo từng vụ và cả năm.	Cây lúa.	Hộ, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức thực tế có cấy lúa.	Điều tra chọn mẫu.	- Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch trong từng vụ sản xuất. - Sản lượng thu hoạch. - Năng suất thu hoạch.	Sau khi kết thúc thu hoạch theo từng vụ sản xuất trong năm.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính.
19	Điều tra năng suất sản lượng cây hàng năm khác và cây lâu năm.	Thu thập thông tin tình hình trồng cây hàng năm và cây lâu năm làm cơ sở đánh giá kết quả hoạt động trồng trọt theo từng vụ và cả năm.	Các loại cây hàng năm và cây lâu năm.	Hộ, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức thực tế có gieo trồng.	Điều tra chọn mẫu.	- Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch trong từng vụ sản xuất; - Sản lượng thu hoạch - Năng suất thu hoạch.	Sau khi kết thúc thu hoạch theo từng vụ sản xuất trong năm.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
04: Điều tra về công nghiệp, xây dựng									
20	Điều tra làng nghề và cơ sở tiểu thủ công nghiệp.	Thu thập thông tin về làng nghề để cung cấp số liệu toàn bộ về làng nghề và cơ sở tiểu thủ công nghiệp phục vụ cho công tác nghiên cứu phân tích kinh tế và hoạch định chiến lược cho từng giai đoạn.	Cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trong các làng nghề và các cơ sở tiểu thủ công nghiệp.	Cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trong các làng nghề và các cơ sở tiểu thủ công nghiệp thuộc tất cả các ngành kinh tế.	Điều tra toàn bộ.	Số lượng và tính chất hoạt động của các làng nghề và các cơ sở tiểu thủ công nghiệp.	Chu kỳ 2 năm; Ngày 01 tháng 01 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Công thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tài chính.
21	Điều tra doanh nghiệp.	Thu thập thông tin về doanh nghiệp để đánh giá thực trạng, năng lực và kết quả SXKD của các doanh nghiệp, phục vụ cho việc quản lý, hoạch định chính sách, phát triển doanh nghiệp; cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp phục vụ yêu cầu về thống kê doanh nghiệp và các yêu cầu thống kê khác.	Các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều tiết bởi Luật Doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.	Doanh nghiệp thuộc đối tượng điều tra	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	- Nhóm chỉ tiêu nhận dạng đơn vị điều tra: tên doanh nghiệp, địa chỉ, loại hình doanh nghiệp, ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh, ... - Nhóm chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh: lao động, thu nhập, tài sản và nguồn vốn, doanh thu, lợi nhuận, thuế và các khoản phải nộp nhà nước, vốn đầu tư, sản phẩm, ...	Chu kỳ hàng năm; ngày 01 tháng 03.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Công thương; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
22	Điều tra hoạt động xây dựng của xã/phường và hộ gia đình.	Thu thập thông tin cơ bản về tình hình hoạt động xây dựng của xã/phường và hộ gia đình, để tính một số chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động của ngành xây dựng và tính đầy đủ về phạm vi chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của ngành xây dựng.	Các xã/phường và hộ gia đình có xây dựng trong năm của các xã/phường được chọn điều tra.	Xã/phường và hộ gia đình.	Điều tra chọn mẫu.	- Đối với xã, phường: tên; địa chỉ của xã/phường; tổng chi phí, trong đó chi phí xây dựng mới, chi phí tu bổ, cải tạo, nâng cấp; nhà ở mà xã/phường đầu tư xây dựng hoàn thành. - Đối với hộ gia đình: tên và địa chỉ của chủ hộ; chi phí xây dựng trong năm của hộ; nhà ở do hộ gia đình xây dựng hoàn thành. (không bao gồm các công trình xây dựng mà xã/phường và hộ gia đình thuê doanh nghiệp thi công).	Chu kỳ hàng năm; ngày 01 tháng 02.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Xây dựng; Bộ Tài chính.
23	Điều tra hoạt động xây dựng của doanh nghiệp.	Thu thập thông tin về hoạt động xây dựng của doanh nghiệp để tính toán một số chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động của ngành xây dựng, phục vụ công tác quản lý của Nhà nước các cấp, đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư và các đối tượng dùng tin khác.	Các doanh nghiệp có hoạt động xây dựng.	Doanh nghiệp.	Điều tra chọn mẫu.	- Chỉ tiêu nhận dạng doanh nghiệp: tên doanh nghiệp, địa chỉ, loại hình doanh nghiệp. - Chỉ tiêu về hoạt động sản xuất: doanh thu xây dựng, tổng chi phí cho hoạt động xây dựng, lợi nhuận trước thuế, thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp.	Chu kỳ quý; ngày 01 tháng cuối quý.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Xây dựng; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
24	Điều tra ngành công nghiệp.	Thu thập thông tin cơ bản về tình hình sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp làm cơ sở để tính một số chỉ tiêu công nghiệp hàng tháng phục vụ công tác quản lý của các cơ quan nhà nước các cấp và đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư và các đối tượng dùng tin khác.	Doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, các cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp và các cơ sở công nghiệp cá thể có hoạt động sản xuất công nghiệp và trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp thuộc danh mục điều tra.	Doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập; cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp và cơ sở công nghiệp cá thể.	Điều tra chọn mẫu	- Nhóm chỉ tiêu nhận dạng: tên cơ sở, địa chỉ, loại hình doanh nghiệp, ngành kinh tế. - Nhóm chỉ tiêu sản xuất kinh doanh: khối lượng sản phẩm tồn kho, khối lượng sản phẩm sản xuất, khối lượng sản phẩm tiêu thụ, giá trị sản phẩm tiêu thụ trong tháng, khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất của tháng tiếp theo, doanh thu, thuế tiêu thụ phát sinh phải nộp, ... - Khó khăn, thuận lợi chính của hoạt động sản xuất trong tháng.	Chu kỳ hàng tháng; ngày 01 tháng sau tháng báo cáo.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính
05: Điều tra về thương mại, du lịch, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin									
25	Điều tra thương mại quốc tế về dịch vụ.	Thu thập thông tin về xuất nhập khẩu dịch vụ để có số liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu của hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và lập bảng cân cân thanh toán quốc tế.	Các doanh nghiệp có hoạt động xuất, nhập khẩu dịch vụ.	Doanh nghiệp có hoạt động xuất, nhập khẩu dịch vụ	Điều tra toàn bộ	- Các chỉ tiêu chung. - Trị giá và sản lượng dịch vụ xuất khẩu. - Trị giá và sản lượng dịch vụ nhập khẩu. - Nước đối tác.	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 05 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
24	Điều tra ngành công nghiệp.	Thu thập thông tin cơ bản về tình hình sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp làm cơ sở để tính một số chỉ tiêu công nghiệp hàng tháng phục vụ công tác quản lý của các cơ quan nhà nước các cấp và đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư và các đối tượng dùng tin khác.	Doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, các cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp và các cơ sở công nghiệp cá thể có hoạt động sản xuất công nghiệp và trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp thuộc danh mục điều tra.	Doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập; cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp và cơ sở công nghiệp cá thể.	Điều tra chọn mẫu	- Nhóm chỉ tiêu nhận dạng: tên cơ sở, địa chỉ, loại hình doanh nghiệp, ngành kinh tế. - Nhóm chỉ tiêu sản xuất kinh doanh: khối lượng sản phẩm tồn kho, khối lượng sản phẩm sản xuất, khối lượng sản phẩm tiêu thụ, giá trị sản phẩm tiêu thụ trong tháng, khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất của tháng tiếp theo, doanh thu, thuế tiêu thụ phát sinh phải nộp, ... - Khó khăn, thuận lợi chính của hoạt động sản xuất trong tháng.	Chu kỳ hàng tháng; ngày 01 tháng sau tháng báo cáo.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính
05: Điều tra về thương mại, du lịch, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin									
25	Điều tra thương mại quốc tế về dịch vụ.	Thu thập thông tin về xuất nhập khẩu dịch vụ để có số liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu của hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và lập bảng cân cán thanh toán quốc tế.	Các doanh nghiệp có hoạt động xuất, nhập khẩu dịch vụ.	Doanh nghiệp có hoạt động xuất, nhập khẩu dịch vụ	Điều tra toàn bộ	- Các chỉ tiêu chung. - Trị giá và sản lượng dịch vụ xuất khẩu. - Trị giá và sản lượng dịch vụ nhập khẩu. - Nước đối tác.	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 05 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
02	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản.	Thu thập thông tin cơ bản về nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phục vụ nghiên cứu đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung của các chương trình, mục tiêu quốc gia trong nông thôn, nông nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, thủy sản và nông thôn; lập dàn mẫu cho các cuộc điều tra chọn mẫu; so sánh quốc tế.	Các hộ ở nông thôn; các hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản ở thành thị; các xã; các trang trại; các hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản; các cơ sở doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản hạch toán kinh tế độc lập; các cơ sở nông, lâm nghiệp và thủy sản trực thuộc các doanh nghiệp phi nông, lâm nghiệp và thủy sản.	Hộ; trang trại; hợp tác xã; các xã; doanh nghiệp nông lâm nghiệp và thủy sản; cơ sở nông, lâm nghiệp và thủy sản trực thuộc doanh nghiệp phi nông, lâm nghiệp và thủy sản.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	- Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra. - Nhóm thông tin về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: lao động, tình trạng sử dụng đất, đồ dùng sinh hoạt, tài sản, vốn kinh doanh,... - Nhóm thông tin về nông thôn: điện, đường, trường học, trạm xá, nhà văn hoá, thư viện, nước sạch, vệ sinh môi trường, chợ, ngân hàng,...	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 07 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính.
03	Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp.	Thu thập thông tin cơ bản về số cơ sở kinh tế, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở kinh tế; kết quả hoạt động làm cơ sở để rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý,	Tất cả các doanh nghiệp, các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp; các cơ sở sản xuất kinh doanh	Cơ sở kinh tế với định nghĩa cơ sở kinh tế là nơi trực tiếp diễn ra hoạt động kinh tế, có	Điều tra toàn bộ (trừ các hợp tác xã nông nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh cá thể	- Nhóm thông tin nhận dạng về đơn vị cơ sở; - Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người lao động; - Nhóm thông tin về kết quả hoạt động và ứng dụng công nghệ thông tin;	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 07 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 2 và 7)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		điều tra cơ bản về tài nguyên đất phục vụ việc xây dựng và đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước; xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất để nắm được việc sử dụng đất vào các mục đích tại thời điểm kiểm kê đất đai.				nguyên nhân biến động đất đai giữa các kỳ kiểm kê đất đai.			
05	Điều tra dân số giữa kỳ	Thu thập thông tin về dân số và nguồn lao động làm cơ sở để lập kế hoạch và xây dựng chính sách dân số, đánh giá các chương trình dân số quốc gia.	Nhân khẩu đang thường trú tại hộ.	Hộ	Điều tra chọn mẫu.	Thu thập thông tin về qui mô, cơ cấu, phân bố và tốc độ phát triển dân số và nguồn lao động, mức độ sinh chết và kế hoạch hoá gia đình.	Chu kỳ 10 năm; ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Y tế; Bộ Tài chính.
06	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình.	Thu thập các thông tin cơ bản về dân số làm cơ sở hoạch định chính sách, nghiên cứu biến động dân số và tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân số.	Nhân khẩu đang thường trú tại hộ và số người chết của hộ.	Hộ	Điều tra chọn mẫu.	- Thông tin chung về dân số: họ tên nhân khẩu thực tế thường trú, giới tính, tình hình di cư, tình hình đi học, tình trạng hôn nhân... - Thông tin về người chết của hộ: thông tin về số người chết, các nguyên nhân chết, tình hình tử vong mẹ.	Chu kỳ hàng năm; ngày 01 tháng 4 (trừ năm tiến hành điều tra dân số giữa kỳ).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Y tế; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		đầu tư vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của cả nước và tỉnh/thành phố.	- Cơ quan dự toán ngân sách đầu tư từ nguồn kinh phí thường xuyên hàng năm do ngân sách nhà nước cấp. - Loại hình doanh nghiệp đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn tự có của doanh nghiệp - Hộ gia đình đầu tư cho sản xuất kinh doanh và cho nhà ở. - Đối tượng đầu tư khác: cộng đồng dân cư đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình văn hoá...	tài chính; doanh nghiệp đang trong quá trình đầu tư xây dựng; UBND xã/phường; hộ gia đình đầu tư cho sản xuất kinh doanh và đầu tư cho nhà ở.		- Tình hình thực hiện vốn đầu tư chia theo các khoản mục đầu tư - Tình hình thực hiện vốn đầu tư chia theo ngành kinh tế.	vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	(Tổng cục Thống kê).	
09	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên	Lập bảng cân đối liên ngành (I/O) làm cơ sở đánh giá kết quả sản xuất chi tiết theo ngành sản phẩm và đánh giá sự thay đổi cơ cấu chi phí	Các cơ sở kinh tế; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp;	Bộ ngành; doanh nghiệp; hợp tác xã; cơ quan hành chính;	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Đối với bộ ngành: - Thông tin về thu chi ngân sách, thuế sản xuất, trợ cấp sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hoá dịch vụ...;	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 8 (tiến hành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		điều tra cơ bản về tài nguyên đất phục vụ việc xây dựng và đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước; xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất để nắm được việc sử dụng đất vào các mục đích tại thời điểm kiểm kê đất đai.				nguyên nhân biến động đất đai giữa các kỳ kiểm kê đất đai.			
05	Điều tra dân số giữa kỳ	Thu thập thông tin về dân số và nguồn lao động làm cơ sở để lập kế hoạch và xây dựng chính sách dân số, đánh giá các chương trình dân số quốc gia.	Nhân khẩu đang thường trú tại hộ.	Hộ	Điều tra chọn mẫu.	Thu thập thông tin về qui mô, cơ cấu, phân bố và tốc độ phát triển dân số và nguồn lao động, mức độ sinh chết và kế hoạch hoá gia đình.	Chu kỳ 10 năm; ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Y tế; Bộ Tài chính.
06	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình.	Thu thập các thông tin cơ bản về dân số làm cơ sở hoạch định chính sách, nghiên cứu biến động dân số và tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân số.	Nhân khẩu đang thường trú tại hộ và số người chết của hộ.	Hộ	Điều tra chọn mẫu.	- Thông tin chung về dân số: họ tên nhân khẩu thực tế thường trú, giới tính, tình hình di cư, tình hình đi học, tình trạng hôn nhân... - Thông tin về người chết của hộ: thông tin về số người chết, các nguyên nhân chết, tình hình tử vong mẹ.	Chu kỳ hàng năm; ngày 01 tháng 4 (trừ năm tiến hành điều tra dân số giữa kỳ).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Y tế; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		đầu tư vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của cả nước và tỉnh/thành phố.	- Cơ quan dự toán ngân sách đầu tư từ nguồn kinh phí thường xuyên hàng năm do ngân sách nhà nước cấp. - Loại hình doanh nghiệp đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn tự có của doanh nghiệp - Hộ gia đình đầu tư cho sản xuất kinh doanh và cho nhà ở. - Đối tượng đầu tư khác: cộng đồng dân cư đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình văn hoá...	tài chính; doanh nghiệp đang trong quá trình đầu tư xây dựng; UBND xã/phường; hộ gia đình đầu tư cho sản xuất kinh doanh và đầu tư cho nhà ở.		- Tình hình thực hiện vốn đầu tư chia theo các khoản mục đầu tư - Tình hình thực hiện vốn đầu tư chia theo ngành kinh tế.	vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	(Tổng cục Thống kê).	
09	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên	Lập bảng cân đối liên ngành (I/O) làm cơ sở đánh giá kết quả sản xuất chi tiết theo ngành sản phẩm và đánh giá sự thay đổi cơ cấu chi phí	Các cơ sở kinh tế; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp;	Bộ ngành; doanh nghiệp; hợp tác xã; cơ quan hành chính;	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Đối với bộ ngành: - Thông tin về thu chi ngân sách, thuế sản xuất, trợ cấp sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hoá dịch vụ...;	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 8 (tiến hành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		sản phẩm trong nước (GDP) và những chỉ tiêu tổng hợp trong hệ thống tài khoản quốc gia, đánh giá vai trò và mối quan hệ giữa khu vực kinh tế phi chính thức với các khu vực khác trong nền kinh tế của Việt Nam.				- Tình hình sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. - Khách hàng, nhà cung cấp và đối thủ cạnh tranh - Trang thiết bị, đầu tư và tài chính. - Khó khăn và triển vọng của hoạt động sản xuất kinh doanh. - ...	tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).		
11	Điều tra dịch vụ Chính phủ.	Thu thập thông tin làm cơ sở để lập và nâng cao chất lượng cán cân thanh toán.	Đại sứ quán, lãnh sự quán nước ngoài tại Việt Nam	Đại sứ quán, lãnh sự quán nước ngoài tại Việt Nam.	Điều tra toàn bộ	- Các khoản chi tiêu cho hàng hoá, dịch vụ của các đại sứ quán, lãnh sự quán như mua đồ dùng văn phòng, đồ dùng gia đình, thuê nhà, các phương tiện có giá trị. - Các khoản chi tiêu của các cá nhân làm việc tại đại sứ quán, lãnh sự quán và thân nhân đi theo họ. - Phí quản lý các khoản viện trợ. - Các giao dịch liên quan đến thực hiện các thoả thuận chung về quân sự và lực lượng vũ trang.	Chu kỳ 2 năm; ngày 01 tháng 01 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		sản phẩm trong nước (GDP) và những chỉ tiêu tổng hợp trong hệ thống tài khoản quốc gia, đánh giá vai trò và mối quan hệ giữa khu vực kinh tế phi chính thức với các khu vực khác trong nền kinh tế của Việt Nam.				- Tình hình sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. - Khách hàng, nhà cung cấp và đối thủ cạnh tranh - Trang thiết bị, đầu tư và tài chính. - Khó khăn và triển vọng của hoạt động sản xuất kinh doanh. - ...	tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).		
11	Điều tra dịch vụ Chính phủ.	Thu thập thông tin làm cơ sở để lập và nâng cao chất lượng cán cân thanh toán.	Đại sứ quán, lãnh sự quán nước ngoài tại Việt Nam	Đại sứ quán, lãnh sự quán nước ngoài tại Việt Nam.	Điều tra toàn bộ	- Các khoản chi tiêu cho hàng hoá, dịch vụ của các đại sứ quán, lãnh sự quán như mua đồ dùng văn phòng, đồ dùng gia đình, thuê nhà, các phương tiện có giá trị. - Các khoản chi tiêu của các cá nhân làm việc tại đại sứ quán, lãnh sự quán và thân nhân đi theo họ. - Phí quản lý các khoản viện trợ. - Các giao dịch liên quan đến thực hiện các thoả thuận chung về quân sự và lực lượng vũ trang.	Chu kỳ 2 năm; ngày 01 tháng 01 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
15	Điều tra chăn nuôi.	Thu thập thông tin về tình hình chăn nuôi làm cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động chăn nuôi.	Các loại gia súc, gia cầm, chăn nuôi khác và các sản phẩm chăn nuôi.	Thôn (ấp, bản), doanh nghiệp, HTX, tổ chức, đoàn thể, trang trại và hộ có chăn nuôi.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	- Số lượng, sản lượng sản phẩm chăn nuôi trong kỳ điều tra.	Chu kỳ hàng năm; ngày 01/04 và 01/10.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính.
16	Điều tra thủy sản.	Thu thập thông tin về thủy sản làm cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản.	Các loại sản phẩm thủy sản thu hoạch từ nuôi trồng và khai thác.	- Xã có hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản. - Doanh nghiệp, HTX, tổ chức và hộ thực tế có nuôi trồng và khai thác thủy sản.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin về tình hình cơ bản (diện tích nuôi trồng thủy sản, số lượng và công suất tàu thuyền) và cơ sở vật chất khác. - Nhóm thông tin về sản lượng, sản phẩm thủy sản. - Kết quả sản xuất giống thủy sản.	Chu kỳ hàng năm; ngày 01/07 và 31/12.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
04: Điều tra về công nghiệp, xây dựng									
20	Điều tra làng nghề và cơ sở tiểu thủ công nghiệp.	Thu thập thông tin về làng nghề để cung cấp số liệu toàn bộ về làng nghề và cơ sở tiểu thủ công nghiệp phục vụ cho công tác nghiên cứu phân tích kinh tế và hoạch định chiến lược cho từng giai đoạn.	Cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trong các làng nghề và các cơ sở tiểu thủ công nghiệp.	Cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trong các làng nghề và các cơ sở tiểu thủ công nghiệp thuộc tất cả các ngành kinh tế.	Điều tra toàn bộ.	Số lượng và tính chất hoạt động của các làng nghề và các cơ sở tiểu thủ công nghiệp.	Chu kỳ 2 năm; Ngày 01 tháng 01 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Công thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tài chính.
21	Điều tra doanh nghiệp.	Thu thập thông tin về doanh nghiệp để đánh giá thực trạng, năng lực và kết quả SXKD của các doanh nghiệp, phục vụ cho việc quản lý, hoạch định chính sách, phát triển doanh nghiệp; cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp phục vụ yêu cầu về thống kê doanh nghiệp và các yêu cầu thống kê khác.	Các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều tiết bởi Luật Doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.	Doanh nghiệp thuộc đối tượng điều tra	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu.	- Nhóm chỉ tiêu nhận dạng đơn vị điều tra: tên doanh nghiệp, địa chỉ, loại hình doanh nghiệp, ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh, ... - Nhóm chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh: lao động, thu nhập, tài sản và nguồn vốn, doanh thu, lợi nhuận, thuế và các khoản phải nộp nhà nước, vốn đầu tư, sản phẩm, ...	Chu kỳ hàng năm; ngày 01 tháng 03.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Công thương; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
24	Điều tra ngành công nghiệp.	Thu thập thông tin cơ bản về tình hình sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp làm cơ sở để tính một số chỉ tiêu công nghiệp hàng tháng phục vụ công tác quản lý của các cơ quan nhà nước các cấp và đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư và các đối tượng dùng tin khác.	Doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, các cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp và các cơ sở công nghiệp cá thể có hoạt động sản xuất công nghiệp và trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp thuộc danh mục điều tra.	Doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập; cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp và cơ sở công nghiệp cá thể.	Điều tra chọn mẫu	- Nhóm chỉ tiêu nhận dạng: tên cơ sở, địa chỉ, loại hình doanh nghiệp, ngành kinh tế. - Nhóm chỉ tiêu sản xuất kinh doanh: khối lượng sản phẩm tồn kho, khối lượng sản phẩm sản xuất, khối lượng sản phẩm tiêu thụ, giá trị sản phẩm tiêu thụ trong tháng, khối lượng sản phẩm dự tính sản xuất của tháng tiếp theo, doanh thu, thuế tiêu thụ phát sinh phải nộp, ... - Khó khăn, thuận lợi chính của hoạt động sản xuất trong tháng.	Chu kỳ hàng tháng; ngày 01 tháng sau tháng báo cáo.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính
05: Điều tra về thương mại, du lịch, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin									
25	Điều tra thương mại quốc tế về dịch vụ.	Thu thập thông tin về xuất nhập khẩu dịch vụ để có số liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu của hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và lập bảng cân cân thanh toán quốc tế.	Các doanh nghiệp có hoạt động xuất, nhập khẩu dịch vụ.	Doanh nghiệp có hoạt động xuất, nhập khẩu dịch vụ	Điều tra toàn bộ	- Các chỉ tiêu chung. - Trị giá và sản lượng dịch vụ xuất khẩu. - Trị giá và sản lượng dịch vụ nhập khẩu. - Nước đối tác.	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 05 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
26	Điều tra chi phí vận tải và bảo hiểm hàng nhập khẩu.	Thu thập thông tin về chi phí vận tải, bảo hiểm hàng nhập khẩu để có số liệu về nhập khẩu dịch vụ, phục vụ tính toán các chỉ tiêu của hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và lập bảng cân cán thanh toán quốc tế.	Các doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu hàng hoá.	Doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu hàng hoá.	Điều tra chọn mẫu.	- Các chỉ tiêu chung. - Tên mặt hàng/nhóm hàng. - Mã số mặt hàng. - Phương thức vận tải. - Nước xuất khẩu hàng hoá cho Việt Nam. - Chi phí bảo hiểm. - Chi phí vận tải hàng hoá.	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 05 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.
27	Điều tra chỉ tiêu của khách du lịch.	Thu thập thông tin về chỉ tiêu của khách du lịch làm cơ sở tính mức chi tiêu bình quân chung và cơ cấu chỉ tiêu của khách du lịch, là cơ sở để suy rộng một số chỉ tiêu chủ yếu về du lịch, một số chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản vệ tinh du lịch.	Khách du lịch quốc tế và khách du lịch trong nước đang nghỉ tại các cơ sở lưu trú.	Khách du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch lưu hành..	Điều tra chọn mẫu	- Tổng mức chi tiêu và một số khoản chi tiêu của khách du lịch như: chi đi lại; chi ăn uống; chi lưu trú; chi tham quan; chi cho các dịch vụ văn hoá, vui chơi giải trí; chi cho y tế bảo vệ sức khoẻ, chi mua hàng hoá... - Một số nhận xét đánh giá của khách du lịch quốc tế đối với cảnh quan thiên nhiên, môi trường, điều kiện vật chất, dịch vụ của các cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch của Việt Nam.	Chu kỳ 2 năm; theo mùa du lịch (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
26	Điều tra chi phí vận tải và bảo hiểm hàng nhập khẩu.	Thu thập thông tin về chi phí vận tải, bảo hiểm hàng nhập khẩu để có số liệu về nhập khẩu dịch vụ, phục vụ tính toán các chỉ tiêu của hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và lập bảng cân cán thanh toán quốc tế.	Các doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu hàng hoá.	Doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu hàng hoá.	Điều tra chọn mẫu.	- Các chỉ tiêu chung. - Tên mặt hàng/nhóm hàng. - Mã số mặt hàng. - Phương thức vận tải. - Nước xuất khẩu hàng hoá cho Việt Nam. - Chi phí bảo hiểm. - Chi phí vận tải hàng hoá.	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 05 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.
27	Điều tra chỉ tiêu của khách du lịch.	Thu thập thông tin về chỉ tiêu của khách du lịch làm cơ sở tính mức chi tiêu bình quân chung và cơ cấu chỉ tiêu của khách du lịch, là cơ sở để suy rộng một số chỉ tiêu chủ yếu về du lịch, một số chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản vệ tinh du lịch.	Khách du lịch quốc tế và khách du lịch trong nước đang nghỉ tại các cơ sở lưu trú.	Khách du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch lưu hành..	Điều tra chọn mẫu	- Tổng mức chi tiêu và một số khoản chi tiêu của khách du lịch như: chi đi lại; chi ăn uống; chi lưu trú; chi tham quan; chi cho các dịch vụ văn hoá, vui chơi giải trí; chi cho y tế bảo vệ sức khoẻ, chi mua hàng hoá... - Một số nhận xét đánh giá của khách du lịch quốc tế đối với cảnh quan thiên nhiên, môi trường, điều kiện vật chất, dịch vụ của các cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch của Việt Nam.	Chu kỳ 2 năm; theo mùa du lịch (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
28	Điều tra ứng dụng máy tính và internet ở các tổ chức kinh tế và cơ quan hành chính sự nghiệp.	Đánh giá khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai chính phủ điện tử ở Việt Nam.	Cơ sở kinh tế; cơ quan hành chính sự nghiệp.	Cơ sở kinh tế; cơ quan hành chính sự nghiệp.	Điều tra chọn mẫu	- Số lao động, cơ cấu lao động, tỷ lệ lao động biết sử dụng máy tính. - Số lượng máy tính sử dụng, tỷ lệ, phương thức, tốc độ kết nối mạng LAN, kết nối internet. - Trang Web, bán hàng qua mạng. Tỷ lệ chi phí cho hoạt động viễn thông, internet và tin học.	Chu kỳ 2 năm; Ngày 01 tháng 01 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Thông tin và Truyền thông.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài chính.
29	Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.	Thu thập thông tin về các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phục vụ công tác thống kê cập nhật số lượng cơ sở kinh tế, lao động xã hội; đáp ứng nhu cầu thông tin quản lý nhà nước ở các cấp, các ngành về khu vực kinh tế cá thể; làm căn cứ chọn mẫu cho các cuộc điều tra chọn mẫu; làm căn cứ tính toán suy rộng các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp.	Các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản).	Xã/phường cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.	Điều tra chọn mẫu	- Số cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể. - Số lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể. - Doanh thu, diện tích kinh doanh, thời gian kinh doanh, chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh, ... của cơ sở.	Chu kỳ hàng năm; ngày 01 tháng 10.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.
30	Điều tra thương mại quốc tế về dịch vụ.	Thu thập thông tin về xuất nhập khẩu dịch vụ để có số liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu của hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và lập bảng cân thanh toán quốc tế.	Các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu dịch vụ.	Doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu dịch vụ.	Điều tra chọn mẫu	- Nhóm chỉ tiêu nhận dạng doanh nghiệp. - Chỉ tiêu về trị giá và sản lượng dịch vụ xuất khẩu, trị giá và sản lượng dịch vụ nhập khẩu, nước đối tác.	Chu kỳ hàng quý; ngày 05 tháng cuối của quý báo cáo.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
31	Điều tra kết quả kinh doanh các doanh nghiệp ngoài nhà nước và cơ sở cá thể kinh doanh thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, du lịch, dịch vụ.	Thu thập thông tin tình hình kinh doanh của ngành thương mại dịch vụ nhằm cung cấp số liệu để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê hàng tháng, đáp ứng yêu cầu thông tin của các cấp, các ngành và các đối tượng sử dụng thông tin khác.	- Các doanh nghiệp ngoài nhà nước có ngành nghề kinh doanh chính là thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, du lịch và dịch vụ khác (trừ dịch vụ vận tải, tài chính, tiền tệ). - Cơ sở kinh doanh cá thể có ngành kinh doanh chính là thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, du lịch lữ hành, dịch vụ.	- Doanh nghiệp hạch toán độc lập. - Đối với mô hình tổng công ty: mỗi doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập là 1 đơn vị điều tra. - Cơ sở kinh doanh cá thể (trừ vận tải, tài chính, tiền tệ).	Điều tra chọn mẫu	- Nhóm chỉ tiêu nhận dạng: tên doanh nghiệp, địa chỉ, loại hình doanh nghiệp, ngành kinh doanh chính; - Doanh thu thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, du lịch và dịch vụ; - Lượt khách, ngày khách (đối với doanh nghiệp khách sạn, du lịch lữ hành).	Chu kỳ hàng tháng; từ ngày 05 đến ngày 14 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.
32	Điều tra vận tải ngoài nhà nước.	Thu thập thông tin tình hình kinh doanh của ngành vận tải nhằm cung cấp số liệu để tính toán suy rộng tổng doanh thu, khối lượng vận chuyển, luân chuyển hành khách, hàng hoá, phục vụ lập báo cáo, đáp ứng yêu cầu thông tin của các cấp, các ngành.	Các doanh nghiệp ngoài nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các cơ sở kinh doanh cá thể hoạt động kinh doanh	Doanh nghiệp ngoài nhà nước và cơ sở cá thể hoạt động về vận tải, kho bãi.	Điều tra chọn mẫu	- Nhóm chỉ tiêu nhận dạng: tên, địa chỉ, loại hình, tình trạng đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động chính... - Doanh thu vận tải hàng hoá, hành khách, bốc xếp hàng hoá, kho bãi, đại lý và các dịch vụ khác hỗ trợ vận tải. - Khối lượng hành khách vận chuyển.	Chu kỳ hàng tháng; từ ngày 08 đến ngày 15 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			vận tải hàng hoá, hành khách, bốc xếp, kho bãi, đại lý và dịch vụ khác hỗ trợ cho vận tải thuộc tất cả các ngành đường.			- Đơn giá hành khách vận chuyển. - Khối lượng hàng hoá vận chuyển. - Đơn giá hàng hoá vận chuyển.			
06: Điều tra về giá cả									
33	Điều tra giá tiêu dùng (CPI).	Thu thập giá bán lẻ hàng hoá, dịch vụ tiêu dùng để có số liệu phục vụ tính chỉ số giá tiêu dùng hàng tháng, nhằm cung cấp số liệu về tỷ lệ tăng giá cho Chính phủ, các Bộ, các ngành sử dụng trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu chính sách, quản lý tài chính, tiền tệ. Làm cơ sở tính toán một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	Các mặt hàng và dịch vụ đại diện, phổ biến cho tiêu dùng của dân cư trong một giai đoạn nhất định theo một danh mục xác định.	Sạp hàng, quầy hàng, điểm bán hàng (chuyên bán lẻ); cơ sở kinh doanh dịch vụ; cơ quan; trường học; cơ sở khám chữa bệnh có địa điểm kinh doanh ổn định, thuộc các thành phần kinh tế.	Điều tra chọn mẫu	Điều tra mức giá bán lẻ các loại hàng hoá hoặc dịch vụ tiêu dùng mà người tiêu dùng phải trả cho một đơn vị hàng hoá hoặc dịch vụ tiêu dùng khi họ mua để tiêu dùng.	Hàng tháng; ngày 05, 15, 25 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
34	Điều tra giá sản xuất (PPI)								
34.1	Điều tra giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông, lâm thủy sản.	Để tính chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông, lâm, thủy sản hàng quý nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất đảm bảo cung cầu trên thị trường. Dùng để tính giá trị sản xuất ngành nông nghiệp và các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp theo giá so sánh.	Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ yếu đại diện cho tất cả các sản phẩm nông, lâm, thủy sản do người sản xuất bán sản phẩm trên thị trường trong giai đoạn nhất định.	Cơ sở sản xuất; nông trường, lâm trường; hộ gia đình trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm nông lâm, thủy sản thuộc tất cả các thành phần kinh tế.	Điều tra chọn mẫu	Điều tra mức giá mà người sản xuất hàng nông, lâm thủy sản trực tiếp bán sản phẩm của mình ra thị trường, kể cả bán tại nơi sản xuất hoặc nơi khác, không bao gồm các loại thuế sản phẩm (bao gồm các loại thuế sản xuất khác).	Điều tra hàng quý; điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 15 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.
34.2	Điều tra giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng công nghiệp.	Để tính chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng công nghiệp hàng quý nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất đảm bảo cung cầu trên thị trường. Dùng để tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp theo giá so sánh.	Các mặt hàng công nghiệp chủ yếu đại diện cho tất cả các sản phẩm công nghiệp do người sản xuất bán sản phẩm trên thị trường trong giai đoạn nhất định.	Nhà máy, xí nghiệp, cơ sở trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp.	Điều tra chọn mẫu	Điều tra mức giá mà người sản xuất hàng công nghiệp trực tiếp bán sản phẩm của mình ra thị trường, kể cả bán tại nơi sản xuất hoặc nơi khác, không bao gồm các loại thuế sản phẩm (bao gồm các loại thuế sản xuất khác).	Điều tra hàng quý; điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 15 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
34.3	Điều tra giá xây dựng.	Để tính chỉ số giá xây dựng phục vụ tính các chỉ tiêu thuộc hệ thống tài khoản quốc gia, phục vụ cho công tác phân tích kinh tế vĩ mô, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh tế của ngành xây dựng.	Giá vật liệu xây dựng; giá nhân công xây dựng; giá thuê máy thi công xây dựng.	Đơn vị xây dựng (bao gồm cả khối doanh nghiệp xây dựng và các đơn vị cá thể) có doanh thu hoặc giá trị sản xuất xây dựng lớn.	Điều tra chọn mẫu	Điều tra giá vật liệu xây dựng, giá nhân công xây dựng, giá thuê máy móc và thiết bị thi công dùng trong hoạt động xây dựng.	Điều tra hàng tháng; ngày 15 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.
34.4	Điều tra giá cước vận tải hàng bộ, đường thủy nội địa.	Để tính chỉ số giá cước vận tải hành khách và vận tải hàng hoá phục vụ tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm theo giá so sánh, sử dụng trong phân tích kinh tế, đánh giá hiệu quả hoạt động của ngành vận tải.	Danh mục các loại dịch vụ vận tải hành khách và hàng hoá chủ yếu trong vận tải đường bộ và đường thủy nội địa, được sử dụng phổ biến trong một giai đoạn nhất định để thu thập giá cước định kỳ.	Doanh nghiệp, cơ sở cá thể kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ, đường thủy có doanh thu lớn.	Điều tra chọn mẫu	- Điều tra thu thập giá cước vận tải hành khách (thường được quy định qua vé), không bao gồm thuế. - Điều tra giá cước vận tải hàng hoá qua một quãng đường quy định (thường là 1 km hoặc 1 tuyến đường) không bao gồm thuế.	Điều tra hàng quý; điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 15 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
34.5	Điều tra giá xuất/nhập khẩu hàng hoá.	Để tính chỉ số giá xuất/nhập khẩu của cả nước sử dụng để giám sát các chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản quốc gia; phục vụ phân tích vĩ mô, phân tích hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu và các mục đích sử dụng khác.	Nhóm mặt hàng xuất/nhập khẩu cơ bản, đại diện cho các loại hàng hoá xuất/nhập khẩu trong từng giai đoạn nhất định.	Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu có doanh thu lớn.	Điều tra chọn mẫu	Giá xuất nhập khẩu của các mặt hàng điều tra.	Điều tra hàng quý.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.
34.6	Điều tra giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất	Để tính chỉ số giá vật tư đầu vào cho sản xuất phục vụ công tác điều hành, quản lý, xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất, kế hoạch nhập khẩu vật tư hàng hoá cho khối sản xuất, là cơ sở để tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp theo giá so sánh.	Các mặt hàng nguyên, nhiên, vật liệu chính dùng cho sản xuất.	Nhà máy, xí nghiệp, cơ sở trực tiếp sản xuất sử dụng các loại nguyên, nhiên, vật liệu thuộc các thành phần kinh tế.	Điều tra chọn mẫu	Điều tra mức giá người sản xuất phải trả khi mua một đơn vị khối lượng nguyên, nhiên, vật liệu dùng vào sản xuất.	Điều tra hàng quý; điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 15 hàng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.
34.7	Điều tra giá sản xuất một số ngành dịch vụ.	Để tính chỉ số giá sản xuất dịch vụ hàng quý nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển ngành sản xuất dịch vụ đảm bảo cung cầu trên thị trường, làm cơ sở tính toán các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp theo giá so sánh.	Các sản phẩm dịch vụ sản xuất.	Đơn vị, cơ sở trực tiếp hoạt động sản xuất dịch vụ ra các sản phẩm dịch vụ.	Điều tra chọn mẫu	Điều tra mức giá dịch vụ của người sản xuất ngành dịch vụ trực tiếp thu được khi một công việc dịch vụ hoàn thành, không bao gồm các loại thuế.	Điều tra hàng quý; điều tra 3 kỳ một quý vào ngày 15 hàng tháng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Tài chính

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
07: Điều tra về khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường									
35	Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ.	Thu thập thông tin về nguồn nhân lực, hạ tầng cơ sở, tài chính, thông tin và các tiềm lực khoa học công nghệ khác phục vụ phân tích thông tin qui hoạch và xây dựng chiến lược, chính sách, phục vụ quản lý điều hành hoạt động khoa học công nghệ.	Các tổ chức khoa học và công nghệ (gồm các tổ chức nghiên cứu và phát triển, trường đại học, học viện, các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.	Tổ chức khoa học và công nghệ có tư cách pháp nhân theo luật định.	Điều tra toàn bộ.	Tiềm lực khoa học và công nghệ bao gồm: - Nhân lực; - Vật lực; - Hạ tầng cơ sở; - Tài chính; - Thông tin; - Tiềm lực khác.	Chu kỳ 10 năm; ngày 01 tháng 09 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 8).	Bộ Khoa học và Công nghệ.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài chính.
36	Điều tra nghiên cứu và phát triển.	Thu thập thông tin về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các trường đại học, các doanh nghiệp chế tạo phục vụ đánh giá, xây dựng chính sách chiến lược khoa học và công nghệ.	Các tổ chức nghiên cứu và phát triển; các trường đại học, học viện; các doanh nghiệp có hoạt động khoa học và công nghệ; các tổ chức nghiên cứu phát triển phi chính phủ.	Tổ chức khoa học và công nghệ; doanh nghiệp hạch toán độc lập có tư cách pháp nhân theo luật định.	Điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin về đơn vị cơ sở. - Nhóm thông tin về nhân lực nghiên cứu và phát triển. - Nhóm thông tin về chi phí cho nghiên cứu và phát triển.	Chu kỳ 2 năm; ngày 01 tháng 07 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Khoa học và Công nghệ.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
08: Điều tra về y tế, giáo dục, văn hoá, trật tự an toàn xã hội, mức sống dân cư.									
37	Điều tra khuyết tật.	Thu thập thông tin chi tiết về khuyết tật phục vụ hoạch định chính sách bảo đảm quyền lợi cho người khuyết tật.	Người khuyết tật.	Hộ gia đình.	Điều tra chọn mẫu	- Tỷ lệ người khuyết tật chia theo loại tật, nguyên nhân khuyết tật. - Xác định nhu cầu về chăm sóc sức khoẻ và phục hồi chức năng. - Nhu cầu về giáo dục, việc làm.	Chu kỳ 10 năm; ngày 01 tháng 04 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 5).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Y tế; Bộ Tài chính.
38	Điều tra cơ sở và nhân lực ngành y tế.	Thống kê số lượng cơ sở, số giường bệnh, số nhân lực y tế, trang thiết bị máy móc kỹ thuật phục vụ chủ trương xã hội hoá công tác y tế.	Cơ sở y tế, cán bộ làm việc trong các cơ sở y tế.	Cơ sở y tế.	Điều tra toàn bộ.	- Số lượng cơ sở. - Loại cơ sở. - Số giường bệnh. - Nhân lực y tế. ...	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 04 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Y tế.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài chính.
39	Điều tra HIV – AIDS.	Thu thập số liệu về tình hình dân số nhiễm HIV và chết do AIDS nhằm cung cấp thông tin để đánh giá, giám sát các chương trình HIV/AIDS quốc gia; phục vụ các nhà lập chính sách và quản lý, giúp Chính phủ trong việc xây dựng các chương trình phòng chống HIV và AIDS.	Trẻ em, phụ nữ và nam giới trong độ tuổi từ 15 đến 49.	Hộ gia đình.	Điều tra chọn mẫu	- Nhóm chỉ tiêu về nhân khẩu học. - Nhóm chỉ tiêu về các đặc trưng cơ bản của đối tượng điều tra: trình độ học vấn, nghề nghiệp, việc làm,... - Hiểu biết về HIV/AIDS. - Thu thập mẫu máu.	Chu kỳ 2 năm; ngày 01 tháng 04 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Y tế.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
40	Điều tra dinh dưỡng.	Cung cấp thông tin phục vụ đánh giá tình hình dinh dưỡng sức khoẻ bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi.	- Trẻ em dưới 5 tuổi. - Bà mẹ trong độ tuổi sinh đẻ 15-49 tuổi.	Hộ gia đình.	Điều tra chọn mẫu	- Tình trạng dinh dưỡng. - Phòng chống suy dinh dưỡng của trẻ em.	Chu kỳ hàng năm; Ngày 01 tháng 6.	Bộ Y tế.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài chính.
41	Điều tra giáo dục tư nhân.	Thu thập thông tin đối với các cơ sở giáo dục tư nhân để đánh giá chất lượng giáo dục và xã hội hoá công tác giáo dục.	Cơ sở giáo dục tư nhân.	Cơ sở giáo dục tư nhân.	Điều tra toàn bộ	- Qui mô học sinh, sinh viên. - Nhân lực giáo dục. - Cơ sở vật chất. - Trang thiết bị.	Chu kỳ 2 năm; ngày 01 tháng 10 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài chính.
42	Điều tra tôn giáo.	Thu thập thông tin về các cơ sở tôn giáo để có số liệu đầy đủ về tôn giáo phục vụ cho hoạch định chính sách, tuyên truyền và đối ngoại.	Tu sĩ.	Cơ sở tôn giáo đang hoạt động hợp pháp trên cả nước.	Điều tra toàn bộ.	Chức sắc tu sĩ, về cơ sở thờ tự và cơ sở vật chất của các tổ chức tôn giáo.	Chu kỳ 5 năm; ngày 01 tháng 04 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Bộ Tài chính.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng điều tra	Đơn vị điều tra	Phương pháp điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
43	Khảo sát mức sống hộ gia đình.	Thu thập thông tin làm căn cứ đánh giá mức sống, đánh giá tình trạng nghèo đói và phân hoá giàu nghèo để phục vụ công tác hoạch định chính sách, kế hoạch và các chương trình mục tiêu quốc gia; cung cấp số liệu để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng và phục vụ tính toán hệ thống tài khoản quốc gia.	Hộ gia đình, thành viên hộ gia đình và các xã có các hộ gia đình được khảo sát.	Hộ gia đình; xã.	Điều tra chọn mẫu.	1. Đối với hộ: - Đặc trưng nhân khẩu học; - Giáo dục, tình trạng sức khoẻ và sử dụng các dịch vụ y tế; thu nhập và chi tiêu; việc làm; tài sản, nhà ở, đồ dùng, điện, nước, công trình vệ sinh; - Tham gia chương trình xoá đói giảm nghèo, tình hình tín dụng. 2. Đối với xã: - Thông tin chung về dân số và dân tộc cư trú trên địa bàn xã điều tra; - Kết cấu hạ tầng: điện, ường, trường, trạm, chợ, nguồn nước; - Tình trạng kinh tế; - Một số thông tin cơ bản về tình hình kinh tế xã hội.	Chu kỳ 2 năm; chia làm 2 kỳ: tháng 5 và tháng 9 (tiến hành vào các năm tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).	Bộ Tài chính.